

**CÔNG TY CỔ PHẦN NGUỒN LỰC VIỆT 365**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NGUỒN LỰC VIỆT 365

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET 365 RESOURCES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110013851

**3. Ngày thành lập:** 30/05/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 1, B50 Lô 6, Khu đô thị Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0834441158

Fax:

Email: congtycophannguonnhanluc365 Website:  
@gmail.com

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                        | 4651        |
| 2.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                         | 4652        |
| 3.  | Hoạt động thư viện và lưu trữ                                                                                                                                              | 9101        |
| 4.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                    | 9329        |
| 5.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                      | 6201        |
| 6.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                        | 6202        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                            | 6209(Chính) |
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)                                                                     | 6311        |
| 9.  | Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                     | 6312        |
| 10. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Các dịch vụ thông tin qua điện thoại<br>Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí | 6399        |
| 11. | Hoạt động tư vấn quản lý (Loại trừ hoạt động tư vấn luật, kế toán, kiểm toán)                                                                                              | 7020        |
| 12. | Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                               | 7310        |
| 13. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                   | 7320        |
| 14. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                  | 2620        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2651 |
| 16. | Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)                                                                                                                                                                                                                                  | 2817 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(Trừ vận tải hàng hóa hàng không)<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                                                                  | 5229 |
| 18. | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ hoạt động xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5820 |
| 19. | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>Đại lý dịch vụ viễn thông<br>Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông                                                                                                                                                                                                  | 6190 |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển | 7730 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông             | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                           | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | DƯƠNG THI<br>MINH TUYỀN | Thôn Thanh<br>Miếu, Xã Việt<br>Hưng, Huyện Văn<br>Lâm, Tỉnh Hưng<br>Yên, Việt Nam                            | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 118.500       | 1.185.000.000            | 79,000       | 145842674                                                                                                              |            |
|     |                         |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                              | Tổng số                            | 118.500       | 1.185.000.000            | 79,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | TRƯƠNG<br>ĐỨC CHÍNH     | B50 Nơ6 Khu đô<br>thị Định Công,<br>Phường Định<br>Công, Quận<br>Hoàng Mai,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 30.000        | 300.000.000              | 20,000       | 0330930041<br>46                                                                                                       |            |
|     |                         |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                              | Tổng số                            | 30.000        | 300.000.000              | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                         |                                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                       |                           |       |            |       |           |  |
|---|------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|-------|-----------|--|
| 3 | NGUYỄN THU TRANG | Tổ 10, Phường Mỏ Chè, Thành phố Sông Công, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.500 | 15.000.000 | 1,000 | 091836280 |  |
|   |                  |                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000 |           |  |
|   |                  |                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000 |           |  |
|   |                  |                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000 |           |  |
|   |                  |                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000 |           |  |
|   |                  |                                                                       | Tổng số                   | 1.500 | 15.000.000 | 1,000 |           |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: DƯƠNG THỊ MINH TUYẾN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/10/1959

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 145842674

Ngày cấp: 02/12/2013

Nơi cấp: Công an Tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: Thôn Thanh Miếu, Xã Việt Hưng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Thanh Miếu, Xã Việt Hưng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội